

Bản án số: 67/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 31 – 7 - 2025.
V/v Tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phạm Hồng Gái
- Ông Nguyễn Văn Đoạt

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Vui - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – An Giang tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp, Viện kiểm sát không tham gia.

Ngày 31 tháng 07 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 168/2025/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 04 năm 2025 về việc tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐST- HNGĐ ngày 23 tháng 07 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm: 1972 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã H, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Thị Q, sinh năm: 1980 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã H, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Nguyễn Văn V trình bày:

Ông và bà Thị Q tìm hiểu, yêu thương và được gia đình hai bên đồng ý nên đã tổ chức lễ cưới nhưng do không am hiểu pháp luật nên không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng có 04 con chung tên Nguyễn Văn M, sinh

ngày 25/10/2001 và Nguyễn Lệ L, sinh năm 2003, Nguyễn Trí T sinh ngày 25/6/2005, Nguyễn Thị Hồng T1, sinh ngày 09/3/2007.

Quá trình chung sống vợ chồng không đăng ký kết hôn và đã ly thân khoảng 17 năm nay. Hiện nay các con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay ông thấy không còn tình cảm với bà Thị Q nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng với chị bà Thị Q.

- Về quan hệ con chung: Các con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chia tài sản, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn bà Thị Q trình bày ý kiến:

Bà thống nhất với ông Nguyễn Văn V về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Do bà với ông V không hiểu biết pháp luật nên vợ chồng không đăng ký hôn. Nay ông V yêu cầu không công nhận là vợ chồng thì bà đồng ý.

- Về quan hệ con chung: Các con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chia tài sản, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn V và bà Thị Q có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Văn V và bà Thị Q có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt nguyên đơn ông Nguyễn Văn V và bà Thị Q.

[2]. *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn V thì quan hệ pháp luật được xác định là: “*Tranh chấp xin ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do bị đơn bà Thị Q có nơi cư trú tại xã H, tỉnh An Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang.

[3]. *Về nội dung vụ án*:

[3.1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Trong quá trình giải quyết vụ án, biên bản hòa giải và tại đơn xin xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Văn V và bà Thị Q thống nhất thừa nhận: Ông Nguyễn Văn V và bà Thị Q chung sống như vợ chồng từ năm 2001 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, mặc dù được gia đình hai bên khuyên ngăn nhưng ông, bà không hòa giải, hàn gắn được. Hiện ông V và bà Thị Q đã không sống chung với nhau khoảng 17 năm nay.

Đồng thời, theo lời khai của bà Thị Q cho rằng: Ông V đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng với bà thì bà đồng ý.

Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, thì không làm phát sinh quyền, giữa vụ giữa vợ và chồng*” nên có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V về việc đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng với bà Thị Q.

[3.2]. *Về quan hệ con chung*: Quá trình chung sống ông V với bà Q có 04 con chung tên Nguyễn Văn M, sinh ngày 25/10/2001 và Nguyễn Lệ L, sinh năm 2003, Nguyễn Trí T sinh ngày 25/6/2005, Nguyễn Thị Hồng T1, sinh ngày 09/3/2007. Các con chung đã thành niên nên ông V, bà Q thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3]. Về quan hệ chia tài sản, nợ chung: Ông Nguyễn Văn V và bà Thị Q thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Ông Nguyễn Văn V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Văn V và bà Thị Q là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Văn V với bà Thị Q có 04 con chung tên Nguyễn Văn M, sinh ngày 25/10/2001 và Nguyễn Lê L, sinh ngày 15/02/2003, Nguyễn Trí T sinh ngày 25/6/2005, Nguyễn Thị Hồng T1, sinh ngày 09/3/2007. Các con chung đã thành niên nên ông V, bà Q thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về chia tài sản, nợ chung: Ông Nguyễn Văn V và bà Thị Q thống nhất xác định không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà ông V đã nộp theo biên lai thu tiền số 0011071 ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – An Giang).

5. Quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn V và bà Thị Q được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND cùng cấp;
- Phòng THADS
- Khu vực 4 – An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tú Quỳnh